

CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC VỀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ CỦA THANH NIÊN - SINH VIÊN

Vũ Thùy Hương - Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Ngày nhận bài: 11/05/2018; ngày sửa chữa: 14/05/2018; ngày duyệt đăng: 05/06/2018.

Abstract: This study mentions scientific foundation of value orientation of students and young generation from the perspective of psychology. The basis has been mentioned in terms of concept of value orientation, value orientation of students and young generation, expresses of value orientation of students and young generation and factors affecting the value orientation of students.

Keywords: Psychological approach, value, value orientation, students.

1. Mở đầu

Định hướng giá trị (ĐHGT) là phương thức chủ thể sử dụng để phân biệt các sự vật theo ý nghĩa của chúng đối với chính mình, từ đó hình thành nội dung cơ bản của xu hướng, động cơ hoạt động” [1; tr 67]. Đó là hệ thống những giá trị được cá nhân nhận thức, trở thành niềm tin và thúc đẩy con người hành động để đạt được mục đích trong cuộc sống. ĐHTG là cấu tạo tâm lý đặc trưng của nhân cách, đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, đặc biệt là thanh niên - sinh viên (TN-SV) - nhóm xã hội đặc thù, là nguồn lực to lớn của xã hội, sẽ góp phần quyết định sự tiến bộ của xã hội hiện nay, xây dựng lí tưởng, niềm tin cách mạng, hình thành đạo đức lối sống, thúc đẩy động cơ lập thân, lập nghiệp, hình thành ý thức và trách nhiệm công dân... Bên cạnh đó, đất nước ta đang trong tiến trình đổi mới mạnh mẽ và đầy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra nhanh chóng ở Việt Nam, nhiều giá trị xã hội đang bị ảnh hưởng mạnh bởi xu thế toàn cầu hóa, trong đó có sự đan xen giữa những giá trị truyền thống và các giá trị hiện đại cả tích cực và không ít tiêu cực tạo nên cuộc đấu tranh trong quá trình tiếp nhận và hình thành ĐHTG của mỗi TN-SV nói riêng cũng như trong cộng đồng.

Bài viết đề cập lí luận về ĐHTG của TN-SV dưới góc độ Tâm lý học, làm cơ sở cho việc nghiên cứu vấn đề này trong thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định hướng giá trị

2.1.1. Khái niệm

ĐHTG là một trong những khái niệm của Tâm lý học, là yếu tố quan trọng nhất của cấu trúc bên trong của nhân cách, được củng cố bởi kinh nghiệm sống cá nhân và tập hợp những trải nghiệm của cá nhân, giúp họ phân biệt cái có ý nghĩa, cái bản chất với cái vô nghĩa, cái không bản chất.

Theo I. T. Levukin: “ĐHTG là việc đánh giá các khả năng và tình hình hiện có, để xác định phương tiện và phương pháp nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra” [1;

tr 68]. Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “ĐHTG là một trong những biến đổi rõ nét của đặc trưng xu hướng nhân cách và có ý nghĩa hướng dẫn hoạt động của con người. Nó mang đậm nét tính xã hội - lịch sử chung của cộng đồng, nét riêng của từng dân tộc, những nét đặc thù của nhóm xã hội, nhóm lứa tuổi, giới nghề nghiệp, tôn giáo, địa phương khác nhau” [2; tr 37]. Nhấn mạnh vai trò của ĐHTG trong việc điều chỉnh hành vi, tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: “ĐHTG là các giá trị đã được con người sống trong xã hội tiếp thu với tư cách như là những tiêu chuẩn của hành vi” [3; tr 11]. Tác giả Lê Đức Phúc quan niệm: “ĐHTG là thái độ lựa chọn của con người đối với các giá trị vật chất và tinh thần; là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích được biểu hiện trong hành vi của con người. Đó cũng là năng lực của ý thức, nhận thức và đánh giá các hoạt động và các sản phẩm xã hội khác nhau” [4; tr 71].

Như vậy, có rất nhiều quan điểm khác nhau về ĐHTG, song các tác giả đều có sự thống nhất ở các điểm cơ bản sau đây:

- ĐHTG là một yếu tố quan trọng của cấu trúc nhân cách, được hình thành và củng cố bởi năng lực nhận thức, bởi kinh nghiệm sống cá nhân qua sự trải nghiệm lâu dài, giúp cá nhân có thể tách cái có ý nghĩa, cái bản chất thiết thân đối với họ ra khỏi cái vô nghĩa, cái không bản chất. Bởi vì ĐHTG được hình thành thông qua quá trình cá nhân gia nhập các quan hệ xã hội, hoạt động sống cơ bản và là chủ thể của hoạt động đó, hướng vào các giá trị có ý nghĩa cơ bản đối với cá nhân hay nhóm.

- Quá trình ĐHTG bao giờ cũng chứa đựng các yếu tố nhận thức (đánh giá), ý chí và cảm xúc (thử nghiệm), cũng như các khía cạnh đạo đức, thẩm mỹ trong sự phát triển nhân cách.

- ĐHTG là cơ sở bên trong của hành vi, quyết định lối sống cá nhân; tập hợp các giá trị đang tồn tại tạo nên nét đặc biệt của ý thức, bảo đảm tính kiên định của nhân cách. Sự kế thừa hành vi và hoạt động theo phương thức xác định chúng biểu thị ở nhu cầu và hứng thú, là nhân

tổ quan trọng nhất điều chỉnh và quyết định hệ động cơ của nhân cách.

Như vậy, theo chúng tôi: *ĐHGT là thái độ lựa chọn của cá nhân hay của nhóm xã hội vào hệ thống giá trị này hay giá trị khác trên cơ sở hệ thống giá trị đó được nhận thức, hình thành niềm tin và có ý nghĩa và quyết định hành vi lựa chọn của họ.*

- Có nhiều cách để phân loại ĐHGT, cụ thể:
- + Căn cứ vào đối tượng định hướng, có thể phân chia thành: *ĐHGT vật chất* và *ĐHGT tinh thần*.
- + Căn cứ vào ý nghĩa tích cực hay tiêu cực của những giá trị mà con người đang theo đuổi, có thể phân chia thành: *ĐHGT tích cực* và *ĐHGT tiêu cực*.
- + Căn cứ vào ý nghĩa xã hội hay ý nghĩa cá nhân của giá trị, có thể phân chia thành: *ĐHGT xã hội* và *ĐHGT cá nhân*.

2.1.2. Vai trò của định hướng giá trị với sự phát triển nhân cách

Đối với việc hình thành nhân cách con người mới, ĐHGT có vai trò như sau:

- ĐHGT là cơ sở hình thành lí tưởng, niềm tin cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, sự biến đổi nền kinh tế thị trường và những biến động kinh tế chính trị phức tạp nên con người nói chung, TN-SV nói riêng cần phải có những nhận thức và chính kiến về những vấn đề như tình hình đất nước, xác lập lí tưởng, niềm tin của cuộc sống. Do đó, việc chỉ ra ĐHGT của TN-SV là một việc làm rất cần thiết.

- ĐHGT là chỉ tiêu của đạo đức, lối sống, quyết định những phẩm chất cá nhân như: tính mục đích, tính tư tưởng, sự nỗ lực ý chí, tính tích cực của nhân sinh quan.

- ĐHGT đối với thái độ lao động lập thân, lập nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất, tạo thành lí tưởng, niềm tin của TN-SV hiện nay.

- ĐHGT là cơ sở hình thành ý thức trách nhiệm và nhân cách công dân. ĐHGT có vai trò định hướng nhân cách theo xu thế phát triển của xã hội mới, góp phần hình thành ý thức công dân và nhân cách con người mới trên cơ sở các chuẩn mực của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Định hướng giá trị của thanh niên - sinh viên

2.2.1. Những đặc điểm tâm lí cơ bản của thanh niên - sinh viên

2.2.1.1. Khái niệm “thanh niên - sinh viên”

Thanh niên thường được xem như một nhóm xã hội lứa tuổi hoặc một “lát cắt chu kỳ sống” của con người (tuổi thanh xuân) hoặc một tiềm năng, một đội ngũ dự bị, một tương lai hay hiện tại của đất nước. Một vấn đề thường được đặt ra khi xem xét vấn đề thanh niên là giới

hạn của tuổi thanh niên trong đời sống con người. Nhóm các tác giả Nguyễn Kế Hào, Nguyễn Quang Uẩn (2005) và nhóm tác giả Dương Diệu Hoa, Nguyễn Ánh Tuyết, Phan Trọng Ngo, Đỗ Thị Hạnh Phúc (2008) cho rằng tuổi thanh niên chia thành hai thời kì: Tuổi đầu thanh niên hoặc học sinh trung học phổ thông - từ 15-18 tuổi và tuổi TN-SV - từ 18, 19- 25 tuổi [1], [5], [6].

Bên cạnh đó, khái niệm “sinh viên” cũng được hiểu rất thống nhất. Theo Từ điển Giáo dục học: *Sinh viên là người học của cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học* [7; tr 71]; Theo **Luật Giáo dục đại học**: Sinh viên là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học, theo học chương trình đào tạo cao đẳng, chương trình đào tạo đại học [8].

Từ những quan điểm trên, chúng tôi thống nhất khái niệm *TN-SV là những công dân có độ tuổi từ 18-25 đang học tập ở bậc đại học, cao đẳng.*

TN-SV có những đặc điểm cơ bản sau: - Những người đã tốt nghiệp phổ thông trung học, bỏ túc trung học hoặc trung cấp chuyên nghiệp, xuất thân từ các tầng lớp xã hội khác nhau đang trong quá trình học tập, chuẩn bị nghề nghiệp chuyên môn tại các trường đại học, cao đẳng; - Là lớp người năng động, nhạy cảm và sẵn sàng tiếp thu cái mới; - Là bộ phận trí tuệ và ưu tú trong các thế hệ thanh niên, là nơi kết tinh nhiều tài năng sáng tạo, là nguồn lao động có học vấn cao, có chuyên sâu và đại bộ phận sinh viên sẽ trở thành người trí thức của đất nước; - Do đặc điểm lứa tuổi, TN-SV là lớp người đang hình thành và khẳng định nhân cách, còn thiếu kinh nghiệm sống, có xu hướng chung là tính tích cực chính trị - xã hội, tính tự lập, độc lập và nhu cầu tự khẳng định phát triển khá cao; - Đối với xã hội, TN-SV là một nhóm xã hội được quan tâm. So với thanh niên đang đi làm (có thu nhập) thì TN-SV là một nhóm xã hội trong phạm vi nhất định được xã hội hoặc gia đình bảo trợ trong quá trình học tập.

2.2.1.2. Một số đặc điểm tâm lí cơ bản của thanh niên - sinh viên

- *Hoạt động nhận thức và sự phát triển trí tuệ.* Hoạt động nhận thức của TN-SV là đi sâu tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể để nắm được nội dung, phương pháp, quy luật của các môn khoa học khác nhau với mục đích trở thành những chuyên gia ở những lĩnh vực nhất định. Nét đặc trưng trong hoạt động nhận thức là có thể hoạt động trí tuệ tập trung, tư duy độc lập với nhiều thao tác như phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá..

Sự phát triển trí tuệ ở lứa tuổi TN-SV được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ như tính nhạy bén, khả năng giải thích và gán ý nghĩa cho những ấn tượng của

cảm tính nhờ vào kinh nghiệm đã có và những tri thức khoa học tiếp thu trong quá trình học đại học.

- *Đặc điểm tự ý thức của TN-SV.* Một trong những đặc điểm tâm lý quan trọng nhất ở tuổi TN-SV là sự phát triển tự ý thức. Tự ý thức của TN-SV được hình thành trong quá trình xã hội hoá và liên quan đến tính tích cực nhận thức của sinh viên; giúp cho sinh viên có những hiểu biết và thái độ đối với bản thân mình để chủ động hướng nhân cách theo các yêu cầu của xã hội.

Trong quá trình học ở trường đại học, việc xây dựng tương lai của TN-SV có ảnh hưởng đến tự ý thức của họ. Mức độ tính tích cực của tự ý thức ở sinh viên phụ thuộc vào thời hạn đạt tới mục đích được vạch ra. Những sinh viên có kế hoạch lâu dài trong cuộc sống thường biểu hiện tích cực tự nhận thức trong hoạt động. Thực tế cho thấy, những sinh viên có kết quả học tập cao thường chủ động tích cực trong việc tự giáo dục, giao tiếp hướng vào bạn bè, hướng vào các nguyên tắc hoạt động, tìm tòi những tri thức mới, tích cực hoạt động nhận thức; ngược lại, những sinh viên có kết quả học tập thấp thường tự đánh giá cao về bản thân, bị động trong việc tự giáo dục.

- *Xu hướng phát triển nhân cách của TN-SV.* Trên quan điểm tiếp cận hoạt động - giá trị - nhân cách, sự phát triển nhân cách TN-SV trong quá trình học tập ở đại học, được diễn ra theo các hướng cơ bản sau: + Niềm tin, xu hướng nghề nghiệp và các năng lực cần thiết của người chuyên gia tương lai được hình thành, củng cố và phát triển; + Mức độ kì vọng đối với nghề nghiệp tương lai của TN-SV được tăng lên ở mức cao hơn; + Các quá trình tâm lý, đặc biệt là quá trình nhận thức được phát triển và có tính nghề nghiệp; + Tình cảm nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, tính độc lập được nâng cao, cá tính và lập trường sống được bộc lộ rõ nét; + Sự trưởng thành về mặt xã hội, đạo đức, khả năng tự giáo dục của sinh viên được nâng cao; + Hình thành những phẩm chất nghề nghiệp và tính sẵn sàng đối với hoạt động nghề nghiệp tương lai được củng cố.

Từ xu hướng hình thành và phát triển của TN-SV trong quá trình học tập ở đại học, các hoạt động của TN-SV tập trung ở ba lĩnh vực: mục đích, ý nghĩa của cuộc sống (lí tưởng sống); hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học (hoạt động chủ đạo); mối quan hệ giữa con người với con người (hoạt động giao tiếp). Trong bài viết, chúng tôi tiếp cận nghiên cứu ĐHGT của TN-SV ở ba lĩnh vực này.

2.2.2. Khái niệm “định hướng giá trị của thanh niên - sinh viên”

Từ khái niệm ĐHGT, khái niệm TN-SV, chúng tôi hiểu: *ĐHGT của TN-SV là thái độ lựa chọn của một cá nhân hay nhóm TN-SV vào những giá trị này hay giá trị khác, phù hợp với những biến đổi của hệ thống các giá*

trị xã hội, trên cơ sở hệ thống giá trị đó được nhận thức, hình thành niềm tin và có ý nghĩa và quyết định hành vi lựa chọn của họ.

Một cá nhân cụ thể tham gia vào các quá trình xã hội khác nhau như thế nào, phụ thuộc vào xu hướng nhân cách - xu thế này được tạo ra trong quá trình phát triển nhân cách trong hệ thống các quan hệ xã hội. Thông qua các chức năng xã hội hoá, cùng với tác nhân xã hội hoá, nhân cách TN-SV đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện. Việc xem xét ĐHGT như là một trong những thành phần quan trọng của nhân cách và ĐHGT là biểu tượng về những mục đích chủ yếu của cuộc đời, thể hiện trong hoạt động thực tế, cho phép chúng ta nắm bắt được nhiều hướng phát triển nhân cách cũng như tình trạng chung của TN-SV hiện nay. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp GD-ĐT thế hệ trẻ nói chung và TN-SV nói riêng. Từ xu hướng hình thành và phát triển của TN-SV, chúng tôi nghiên cứu ĐHGT trên những biểu hiện chung nhất quy định sự tồn tại của nhân cách, các biểu hiện đó tập trung ở 3 lĩnh vực, đó là: 1) ĐHGT của TN-SV về mục đích, ý nghĩa của cuộc sống (lí tưởng sống); 2) ĐHGT của TN-SV về hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học (hoạt động chủ đạo); 3) ĐHGT của TN-SV về mối quan hệ giữa con người với con người (hoạt động giao tiếp).

Xét về ý nghĩa, thông qua các biểu hiện của TN-SV: Ở *lĩnh vực 1*, có thể xác định được lí tưởng, chiều hướng và động cơ phấn đấu của TN-SV; Ở *lĩnh vực 2*, có thể xác định được mức độ tập trung, sự nỗ lực, hành động ý chí cũng như sự mong đợi những kết quả đạt được của việc học tập, nghiên cứu khoa học với tư cách làm hoạt động chủ đạo của TN-SV; Ở *lĩnh vực 3*, có thể xác định được các giá trị chủ đạo trong đời sống hằng ngày TN-SV hướng tới.

Xét về quan hệ, lĩnh vực 1 được xem xét trên phương diện mục đích sống của cá nhân. Mục đích là biểu tượng lí tưởng về kết quả tương lai của hoạt động, là quan điểm riêng về tương lai của cá nhân, đóng vai trò như là tác nhân liên kết chung của tất cả những mục đích riêng gắn liền các hoạt động cụ thể. Chính vì vậy, mục đích sống có ý nghĩa lớn, quy định chiều hướng phát triển và phương thức tồn tại của nhân cách. *Lĩnh vực 2* và *3* được nhìn nhận là những phương diện để đạt tới mục đích sống. Về ý nghĩa, đây là những hoạt động (hoạt động có đối tượng) và quan hệ (giao tiếp) đặc trưng có vai trò quyết định trong sự hình thành và phát triển nhân cách.

Xét về tổng thể, các lĩnh vực trên được nhìn nhận trên phương diện mục đích và được xem như là những thành phần định rõ đặc tính của xu hướng và nội dung tính tích cực của nhân cách. Chúng quy định sự hình thành và phát triển nhân cách, trên cơ sở cá nhân tham gia một cách tích cực vào các quá trình xã hội và hệ thống các quan hệ

xã hội khác nhau. Đồng thời, toàn bộ các quá trình và hệ thống các mối quan hệ xã hội này là quan hệ nền tảng, quy định sự hình thành và phát triển các nhu cầu, động cơ, mục đích sống, tình cảm, năng lực... của cá nhân.

Từ mỗi lĩnh vực trên đây, chúng tôi nghiên cứu dựa trên các mặt biểu hiện gồm: *nhận thức, thái độ và hành động*:

- *Về nhận thức:*

Nghiên cứu mặt nhận thức trong ĐHGT của TN-SV chính là tìm hiểu xem cấp độ lĩnh hội và khả năng phân tích, lựa chọn các giá trị như thế nào; việc tiếp cận, lĩnh hội các giá trị đó có thực sự phù hợp với thực tế khách quan và xu thế chung hay không.

Nhận thức của TN-SV về các giá trị được phản ánh ở các cấp độ khác nhau. Theo quy luật chung, nhận thức có thể ở cấp độ *cảm tính* hoặc *lí tính*. Ở cấp độ cảm tính, các sự vật, hiện tượng mang giá trị được xem xét một cách sơ bộ, thoáng qua không phản ánh đầy đủ các thuộc tính bản chất. Ở cấp độ này, trước sự tác động của sự vật, hiện tượng, TN-SV nhìn nhận vấn đề một cách giản đơn, không thấy được hết ý nghĩa, giá trị của chúng đối với bản thân và xã hội hoặc nhìn nhận vấn đề không đúng có thể dẫn đến kết luận vội vàng hoặc gán cho chúng những giá trị không có thực. Ở cấp độ lí tính, các sự vật hiện tượng được phản ánh đúng bản chất của nó. Ở cấp độ này, TN-SV đã biết phân tích, lí giải, so sánh đối chiếu và có sự tiếp thu một cách chọn lọc các giá trị cần thiết và có thể thanh lọc các yếu tố không bản chất.

- *Về thái độ:*

Thái độ của con người trước một vấn đề nào đó đóng vai trò quan trọng quy định nên nguyên tắc ứng xử của hành vi. Nghiên cứu mặt thái độ trong ĐHGT của TN-SV chính là xem xét những biểu hiện về cảm xúc, tâm tư, tình cảm đối với những giá trị mà TN-SV đã xác định và lựa chọn. Biểu hiện thái độ của TN-SV với các giá trị đã lựa chọn được bộc lộ ở chỗ, khi họ đã xác định cho mình một giá trị nào đó, họ suy nghĩ về sự lựa chọn đó như thế nào.

Thái độ biểu hiện với các giá trị xã hội rất đa dạng và thể hiện ở các cấp độ khác nhau. Cùng đứng trước một vấn đề nào đó, có những TN-SV nhìn thấy giá trị của nó chỉ ở mức chấp nhận được, hoặc có ưa thích nhưng cũng không phải là quan trọng, song cũng có những sinh viên coi đó là niềm tin và lẽ sống của bản thân và luôn luôn tâm huyết.

- *Về hành động:*

Nghiên cứu biểu hiện hành động trong ĐHGT của sinh viên chính là xem xét những phương thức ứng xử thông qua hành động của TN-SV trước những vấn đề cụ thể. Biểu hiện tập trung nhất chính là những hành động mang ý nghĩa phản ánh sự lựa chọn các giá trị trong cuộc

sống. Cụ thể trong phạm vi nghiên cứu ở đây là hành động lựa chọn xác định mục đích, các biểu hiện xác định giá trị trong học tập, nghiên cứu khoa học và quan hệ giao tiếp ứng xử.

Khi nghiên cứu hành động để nhận định về ĐHGT, người ta có thể xem xét ở các cấp độ khác nhau. Tùy từng cấp độ mà mức độ ĐHGT có được biểu hiện tập trung hay không, có rõ nét và đóng vai trò cốt lõi trong xu hướng của nhân cách hay không. Trong hành động, cấp độ hành động ý chí là biểu hiện tập trung nhất. Khi TN-SV đã xác định được các giá trị cần phải vươn tới, cần phải chiếm lĩnh để khẳng định giá trị bản thân; để thỏa mãn khát khao, nguyện vọng, TN-SV phải nỗ lực vượt bậc, huy động tất cả sức mạnh tinh thần, bằng mọi phương pháp để đạt tới. Chỉ như vậy, ĐHGT mới được khẳng định một cách rõ nét.

Như vậy, nghiên cứu ĐHGT cần xem xét đầy đủ trên ba mặt nhận thức, thái độ và hành động của nhân cách, song trên thực tế, TN-SV là lứa tuổi đã trưởng thành về nhận thức, cấu tạo tâm lí tương đối hoàn chỉnh, các khâu nhận thức, thái độ và hành động có sự hòa trộn vào nhau.

2.2.3. Biểu hiện định hướng giá trị của thanh niên - sinh viên

2.2.3.1. Định hướng giá trị biểu hiện trong mục đích cuộc sống

Mục đích cuộc sống của TN-SV được xem xét ở đây là sự mong đợi của họ về tương lai và những mưu cầu trong cuộc sống. Chúng tôi tìm hiểu trên 3 biểu hiện: nhận thức về mục đích cuộc sống; thái độ về sự xác định mục đích cuộc sống và những hành động tương ứng trong lựa chọn mục đích cuộc sống của sinh viên:

* *Nhận thức về mục đích cuộc sống*

Để tìm hiểu nhận thức về mục đích cuộc sống của TN-SV, chúng tôi đưa ra 5 mục đích chủ yếu [9]: được giàu sang; có địa vị xã hội; thành đạt trong nghề nghiệp; được làm việc theo sở thích; được phục vụ xã hội.

* *Thái độ đánh giá về ý nghĩa của cuộc sống*

Khi xem xét về thái độ đối với cuộc sống, chúng tôi đi sâu tìm hiểu hai khía cạnh biểu hiện:

- Tự đánh giá về ý nghĩa cuộc sống hiện tại của TN-SV ở 5 biểu hiện: Cuộc sống của mình có giá trị, ý nghĩa; Sống ngày nào biết ngày đó; Cuộc sống không có ý nghĩa; Cuộc sống có ích cho xã hội; Không xác định được; Chỉ biết dựa vào bố mẹ, người thân.

* *Mức độ hài lòng đối với cuộc sống hiện tại của TN-SV.*

* *Mức độ quan trọng của các giá trị trong mục đích cuộc sống*

Thông qua việc xác định và lựa chọn các giá trị trong mục đích cuộc sống của TN-SV sẽ góp phần chỉ ra ĐHGT của thanh niên về mục đích cuộc sống. Căn cứ

vào mức độ xác định quan trọng hay không quan trọng của 13 giá trị trong mục đích của cuộc sống cơ bản của TN-SV [9], chúng ta có thể đánh giá được xu hướng biểu hiện của họ đối với các giá trị: Sức khỏe; Học vấn và tri thức; Việc làm và nghề nghiệp; Quan hệ xã hội; Quyền tự do cá nhân; Giàu sang, danh vọng; Danh dự và nhân phẩm; Có vai trò xã hội Xây dựng lòng nhân ái; Xây dựng tình đoàn kết cộng đồng; Có lí tưởng và hoài bão; Có niềm tin, ý chí, nghị lực; Biết cách sống.

2.2.3.2. Định hướng giá trị biểu hiện trong học tập, nghiên cứu khoa học

Hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học là hoạt động chủ đạo, chiếm phần lớn thời gian và tâm sức của TNSN. Thông qua việc lựa chọn những giá trị trong học tập và nghiên cứu khoa học, có thể đánh giá được ĐHGT của TN-SV. Chúng tôi nghiên cứu tìm hiểu ĐHGT trong hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học ở 3 góc độ:

- *Nhận thức về mục đích học tập, nghiên cứu khoa học*

Để đánh giá nhận thức về mục đích của học tập, nghiên cứu khoa học, chúng tôi tập trung vào lí do vào đại học của sinh viên [9]: Để sau này có việc làm; Muốn khẳng định mình; Muốn học tập để có tri thức; Vì xu hướng của xã hội; Vì ý muốn của cha mẹ; Để thành đạt trong cuộc sống.

- *Mức độ hài lòng đối với ngành nghề đang theo học*

Sự hài lòng hay không hài lòng đối với ngành nghề đang theo học chính là sự thể hiện thái độ đối với các sự lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên. Có nhiều sinh viên trước khi thi đại học đã xác định rõ sở trường, năng lực và lựa chọn được đúng đắn ngành học, tuy nhiên không ít sinh viên chưa xác định rõ bản chất của ngành học nên khi bước vào thực tế sẽ có những thái độ khác nhau: Hài lòng; Phần nhiều hài lòng; Không hài lòng; Hoang mang, dao động; Hiện tại chưa đánh giá được [9].

- *ĐHGT về những phẩm chất tâm lí của chủ thể học tập, nghiên cứu khoa học*

Chúng tôi đánh giá ĐHGT về những phẩm chất tâm lí của chủ thể học tập, nghiên cứu khoa học của TN-SV trên cơ sở họ xác định được ý nghĩa của những phẩm chất tâm lí của chủ thể học tập, nghiên cứu khoa học, những tiêu chuẩn cần thiết của người học hiện nay [9]: Chuyên môn giỏi; Năng động, đổi mới; Đạo đức nghề nghiệp; Tính kỉ luật, tổ chức; Có kế hoạch trong công việc; Có năng lực tổ chức; Khả năng làm việc nhóm; Tính tự chủ, tự tin; Khả năng thích nghi nhanh; Khả năng đánh giá hiệu quả; Nói đi đôi với làm.

2.2.3.3. Định hướng giá trị biểu hiện trong mối quan hệ con người với con người

Ba mối quan hệ đặc trưng của TN-SV chi phối phần lớn hoạt động giao tiếp của họ là: tình bạn, tình yêu và

gia đình [9], do đó, chúng tôi tiến hành đánh giá ĐHGT của TN-SV biểu hiện trong mối quan hệ con người với con người của TN-SV ở cả ba mặt nhận thức, thái độ và lựa chọn hành vi của họ đối với các giá trị của ba mối quan hệ này. Cụ thể:

* *Biểu hiện trong tình bạn*

Trong tình bạn của TN-SV có rất nhiều giá trị, song chúng tôi chỉ lựa chọn một vài tham số mang ý nghĩa tượng trưng cho các sắc thái quan hệ tình bạn để đánh giá xu hướng của nó: Hào phóng; Giúp đỡ; Chia sẻ; Niềm tin.

* *Biểu hiện trong tình yêu*

Trong tình yêu của TN-SV có rất nhiều giá trị, chúng tôi lựa chọn các giá trị mang tính chất biểu hiện tập trung nhất: Chân thành; Hoà hợp; Yêu thương; Chung thủy; Tôn trọng.

* *Biểu hiện trong gia đình*

Chúng tôi lựa chọn các giá trị mang nghĩa chung nhất biểu hiện trong gia đình: Bao dung; Bình đẳng; Trách nhiệm; Bảo vệ; Tôn vinh; Văn hoá hạnh phúc.

2.2.4. Các yếu tố chi phối định hướng giá trị của thanh niên - sinh viên

2.2.4.1. Các giá trị dân tộc truyền thống

Trong di sản phong phú các giá trị truyền thống Việt Nam, có các giá trị sau đây tồn tại một cách bền vững và tham gia vào hệ thống các chuẩn giá trị của xã hội ta ngày nay là: lòng yêu nước nồng nàn, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lí, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tề nhị trong cư xử, tính giản dị trong cuộc sống. Những phẩm chất tốt đẹp này là sản phẩm tích lũy từ lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chúng đã khẳng định được sức sống bền vững, vượt qua được thử thách của thời gian để tham gia cấu thành diện mạo và bản sắc của con người Việt Nam hiện đại.

2.2.4.2. Hệ thống các giá trị cách mạng được hình thành trong lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc, đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong thời gian qua, đất nước ta có hàng loạt thay đổi lớn và những biến động sâu sắc trên mọi bình diện chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa. Từ cơ sở kinh tế là nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, chúng ta đã tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với ba cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, về khoa học - kĩ thuật và tư tưởng - văn hóa. Quá trình này đã tạo ra nhiều giá trị cao đẹp trong đạo đức, lối sống của con người mới xã hội chủ nghĩa như: tinh thần sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc, tinh thần làm chủ, phong cách sống “mình vì mọi người”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; tình đồng chí, đồng đội,... Những giá trị tinh thần trong xã hội hiện đại đã được kết hợp hài hòa với những giá trị dân tộc truyền thống tạo nên nền móng

vững chắc cho đạo đức, lối sống cách mạng của con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

2.2.4.3. Quá trình đổi mới của đất nước, nhất là quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay

Tác động dễ thấy nhất của quá trình đổi mới đến đạo đức, lối sống của giới trẻ là đã hình thành những ĐHGT mới. Cùng với các chuẩn giá trị như lòng yêu nước, lí tưởng cộng sản, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng... vẫn có vị trí cao trong thang giá trị Việt Nam thì một số giá trị khác như dân chủ, sáng tạo, việc làm, thu nhập, gia đình, năng động làm giàu... vẫn luôn được khích lệ. Thái độ đối với lao động đã chuyển biến tích cực theo hướng gắn với năng lực tự lập, sáng tạo, năng suất và hiệu quả. Thái độ đối với nghề nghiệp cũng thay đổi, chuyển từ việc trọng các nghề “bàn giấy”, công chức sang các nghề sản xuất, kinh doanh có thu nhập cao.

2.2.4.4. Quá trình “toàn cầu hóa” đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực

Tuy nước ta mới bắt đầu quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng có thể dễ dàng cảm nhận một số tác động tiêu cực của “toàn cầu hóa” đối với đạo đức, lối sống của giới trẻ. Biểu hiện của tư tưởng “sùng ngoại”, tôn sùng chủ nghĩa tư bản, chạy theo lối sống của xã hội tiêu thụ, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, tiền bạc, văn hóa “lai căng”, tự ti dân tộc, thậm chí phai nhạt ý thức giai cấp, niềm tin và lí tưởng cộng sản... đã xuất hiện một cách đáng báo động. Bởi vậy, nhiệm vụ đặt ra là phải hình thành ở thanh niên chủ nghĩa yêu nước chứa đựng nội dung mới, phù hợp.

3. Kết luận

TN-SV là những người đang học tại các trường đại học hoặc cao đẳng, là lực lượng dự bị, kế tục của giới trí thức. ĐHGT của TN-SV được hiểu là định hướng của một cá nhân hay nhóm TN-SV vào những giá trị này hay giá trị khác, phù hợp với nhiều hướng biến đổi của hệ thống các giá trị xã hội, trong đó các hiện tượng vật chất hay tinh thần, có khả năng thoả mãn các nhu cầu và lợi ích của họ.

ĐHGT của thanh niên được biểu hiện tập trung ở các lĩnh vực hoạt động đặc trưng của họ, đó là: việc xác định mục đích, lí tưởng của cuộc sống; hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học; quan hệ giao tiếp đa dạng và biểu hiện của chúng được thể hiện ở các cấp độ nhận thức, thái độ và hành động.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Quang Uẩn (1995). *Giá trị, định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*. Đề tài KX-07-04.
- [2] Phạm Minh Hạc (1994). *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*. Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07.
- [3] Trần Trọng Thủy (1993). *Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 7, tr 11.
- [4] Lê Đức Phúc (1992). *Giá trị và định hướng giá trị*. Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 13, tr 71.
- [5] Nguyễn Kế Hào (chủ biên) - Nguyễn Quang Uẩn (2005). *Giáo trình Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Dương Diệu Hoa (chủ biên) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngọ - Đỗ Thị Hạnh Phúc (2008). *Giáo trình tâm lí học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Hiền Bùi (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển bách khoa.
- [8] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục Đại học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [9] Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2006). *Báo cáo chuyên đề “Lối sống sinh viên - thực trạng và giải pháp”*.
- [10] Đào Thị Oanh (chủ biên) - Nguyễn Thanh Bình - Đặng Xuân Hoài - Lê Đức Phúc - Trần Trọng Thủy - Nguyễn Huy Tú (2007). *Vấn đề nhân cách trong tâm lí học hiện nay*. NXB Giáo dục.
- [11] Hà Nhật Thăng (1998). *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*. NXB Giáo dục.
- [12] Đặng Vũ Cảnh Linh (2008). *Một số chỉ báo về định hướng giá trị của sinh viên các trường đại học hiện nay*. Tạp chí Tâm lí học, số 1, tr 106-111.
- [4] Orpinas, P. - Frankowski, R. (2001). *The Aggression Scale: A self-report measure of aggressive behavior for young adolescents*. The Journal of Early Adolescence, Vol. 21(1), pp. 50-67.
- [5] Nguyễn Bá Đạt (2014). *Phân tích đặc điểm tâm lí xã hội của học sinh có hành vi bạo lực học đường*. Kỷ yếu hội thảo Khoa học toàn quốc “Sức khỏe tâm thần trong trường học”. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr 421-435.
- [6] Đinh Thị Kim Thoa - Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Trần Văn Tính (2009). *Tâm lí học phát triển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Irvin Sam Schonfeld (2006). *School violence*. In: E.K. Kelloway, J. Barling, - J.J. Hurrell (eds) *Handbook of Workplace Violence*. Thousand Oaks, CA: Sage Publications, pp. 169-229.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI...

(Tiếp theo trang 20)